TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15-6-2018
V/v Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.
Các *Hội thẩm nhân dân:*
Bà Vũ Thương Nhất;
Bà Huỳnh Thị Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Quới - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa*:** không.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018 về việc "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lê Thành Th (tên gọi khác H), sinh năm 1969. HKTT và nơi ở hiện nay: ấp B, xã B, huyện P, tỉnh A, có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Lâm Thị XL, sinh năm 1966. Địa chỉ: khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh A, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện lại ngày 09 tháng 01 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Thành Th trình bày: ông và bà Lâm Thị XL chung sống với nhau năm 1989, nhưng không có đăng ký kết hôn, đến năm 2007 không còn chung sống với nhau, nguyên nhân mâu thuẫn xảy ra do tính tình không hợp nhau và không còn tình cảm. Nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Lâm Thị XL.

Về con chung: Lê Thị Nh, sinh năm 1989 và Lê Thành Nh1, sinh năm 1992 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung: không yêu cầu toà án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bà XL xin vắng mặt phiên họp và xét xử. Tuy nhiên bà có ý kiến trình bày như sau: bà và ông Th chung sống từ năm 1989, nhưng không đăng ký kết hôn. Từ năm 2007 bà và ông Th xảy ra mâu thuẫn không còn chung sống với nhau, nguyên nhân là ông Th không lo kinh tế gia đình, chơi cờ bạc. Bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Th.

Về con chung: Lê Thị Nh, sinh năm 1989 và Lê Thành Nh1, sinh năm 1992 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung: không yêu cầu toà án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa hôm nay, bà XL xin vắng mặt. Nguyên đơn ông Lê Thành Th vẫn giữ nguyên yêu cầu và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bị đơn đã được Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Lâm Thị XL có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh A. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: ông Th và bà XL chung sống với nhau như vợ chồng từ 1989 nhưng không đăng ký kết hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, thì "*Nam, nữ có điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng*". Từ đó, không có cơ sở giải quyết ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của ông Lê Thành Th và bà Lâm Thị XL theo quy định khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

- Về con chung: Lê Thị Nh, sinh năm 1989 và Lê Thành Nh1, sinh năm 1992 (đã trưởng thành), nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: không yêu cầu toà án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

- Về án phí: ông Th khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch. Bà XL không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình 2014; khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Thành Th xin ly hôn với bà Lâm Thị XL.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận ông Lê Thành Th và bà Lâm Thị XL là vợ chồng.

- Về con chung: Lê Thị Nh, sinh năm 1989 và Lê Thành Nh1, sinh năm 1992 (đã trưởng thành).

- Về tài sản chung: không yêu cầu toà án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: ông Lê Thành Th phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0004115 ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên. Ông Th đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND h.Tịnh Biên;
- Chi cục THADS h.TB;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Lưu HS & VP.

Võ Thị Ngọc Mỹ